TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DUY XUYÊN** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 23-6-2022
V/v " Ly hôn, tranh chấp về chia tài sản khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUY XUYÊN-TỈNH QUẢNG NAM

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Sinh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Văn Quân;

Ông Trịnh Sơn Hải.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duy Xuyên tham gia phiên tòa*: Bà Lê Thị Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 03 năm 2022, về tranh chấp: *"Ly hôn, tranh chấp về chia tài sản khi ly hôn",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1993;

Trú tại: Thôn H, xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam.

2. *Bị đơn:* ông Lê Văn V, sinh năm 1993.

Trú tại: Thôn N, xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Đ, sinh năm 1970.

Trú tại: Thôn H, xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam.

- Bà Lê Thị T, sinh năm 1972.

Trú tại: Thôn N, xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam.

Nguyên đơn có mặt. Bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ghi ngày 14/03/2022 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị D và ông Lê Văn V tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam vào năm 2020. Vợ chồng chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông Lê Văn V thường hay nhậu nhẹt về khuya và đánh đập bà D, xúc phạm đến cha mẹ bà. Ông V có tính cách gia trưởng, cha mẹ chồng thì thường hay bảo thủ và bênh vực ông V. Vợ chồng có quá nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống hằng ngày, không có tiếng nói chung dẫn đến hiện nay không còn chung sống với nhau, bà đã về ở với cha mẹ bà từ đầu năm 2022 đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã quá trầm trọng nên bà D yêu cầu được ly hôn với ông Lê Văn V.

- Về con chung: không có con chung.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Tại đơn khởi kiện lập ngày 14/3/2022, bà D đã có yêu cầu Tòa án chia tài sản chung vợ chồng là 01 thửa đất số 1005, tờ bản đồ số 09 với diện tích 94 m^2 thuộc thôn Nhơn Bồi, xã D; giải quyết nợ chung của ông Nguyễn Đ số tiền là 200.000.000 đồng và bà Lê Thị T số tiền là 90.000.000 đồng.

Theo đơn ngày 08/4/2022 và tại phiên tòa, bà D rút yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung của vợ chồng khi ly hôn.

** Đối với bị đơn ông Lê Văn V:* Sau khi Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên thụ lý vụ án, Toà án đã nhiều lần triệu tập cũng như tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Lê Văn V không gửi cho Tòa án văn bản nếu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vắng mặt không có lý do. Do đó, việc lấy lời khai của ông Lê Văn V và việc hòa giải không thực hiện được.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Đ trình bày:* Vợ chồng bà Nguyễn Thị D và ông Lê Văn V có vay của ông Đ số tiền là 200.000.000 đồng *(Hai trăm triệu đồng)* để mua đất cách đây 02 năm và các bên không có thỏa thuận lãi suất. Nay, ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết số nợ trên và có đơn xin được giải quyết, xét xử vắng mặt.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị T trình bày:* Vợ chông bà Nguyễn Thị D và ông Lê Văn V có vay của bà số tiền là 90.000.000 đồng (*Chín mươi triệu đồng)* để mua đất. Nay, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết số nợ trên và có đơn xin được giải quyết, xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật: Toà án cấp sơ thẩm đã thụ lý và Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đảm bảo kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Bị đơn không chấp hành pháp luật tố tụng dân sự, không chấp hành triệu tập của Tòa án, không tham gia các phiên họp, hòa giải và các phiên tòa.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Nguyễn Thị D được ly hôn với ông Lê Văn V. Đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu nguyên đơn đã rút.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị D có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, chia tài sản chung và nợ chung khi ly hôn với ông Lê Văn V; ông Lê Văn V có nơi cư trú tại huyện Duy Xuyên. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là: *"Ly hôn, tranh chấp về chia tài sản khi ly hôn"*, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

Bị đơn được triệu tập hợp lệ và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị D và ông Lê Văn V kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D vào năm 2020, nên quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị D và ông Lê Văn V là hợp pháp.

Theo lời trình bày của bà D và qua xác minh tại địa phương thì nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do cả hai bất đồng quan điểm, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, kéo dài, vợ chồng không còn chung sống từ nhiều tháng nay. Tòa án đã tạo điều kiện về mặt thời gian, tổ chức hòa giải nhiều lần nhưng ông Lê Văn V không có thiện chí trong việc tham gia hòa giải, hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông V lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt

được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D, cho bà Nguyễn Thị D được ly hôn ông Lê Văn V.

[2.2] Về con chung: vợ chồng không có con chung.

[2.3] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Bà D rút yêu cầu giải quyết tài sản chung và nghĩa vụ chung. Ông Lê Văn V không có yêu cầu gì về tài sản chung và nghĩa vụ chung của vợ chồng. Bà Lê Thị T, ông Nguyễn Đ cũng thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nợ mà vợ chồng bà D và ông V vay của mình trong vụ án này. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu mà đương sự đã rút. Các đương sự có quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết lại phần yêu cầu mà nguyên đơn đã rút, nếu có tranh chấp.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 56 và Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị D được ly hôn với ông Lê Văn V.

2. Đình chỉ xét xử phần chia tài sản chung và nghĩa vụ chung khi ly hôn mà bà Nguyễn Thị D đã rút yêu cầu.

3. Về án phí: bà Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà D đã nộp 5.425.000 đồng *(Năm triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng)* theo Biên lai thu số 1925 ngày 16/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị D số tiền tạm ứng án phí là: 5.125.000 đồng *(Năm triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng)*.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (23/6/2022). Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Q;
- VKSND huyện D ;
- Chi cục THADS huyện D;
- Các đương sự;
- UBND xã D;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Trần Văn Sinh